

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

2. Bà Dư Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Tiểu My – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các Đ sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tăng Thị Kiều T, sinh năm 1973; địa chỉ: Số A, khóm B, phường C, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn C, sinh năm 1970; địa chỉ: Số A, khóm B, phường C, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị T và anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Tăng Thị Kiều T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tăng Thị Kiều T và anh Trần Văn C tự nguyện tìm hiểu, quen biết được sự thống nhất của 02 bên gia đình, anh chị tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm về mọi mặt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị T không còn thiết tha vun đắp cuộc sống gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh C có 02 con chung là anh Trần Minh Đ, sinh năm 1995 và chị Trần Mỹ T1, sinh năm 1998, anh Đ và chị T1 đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về tinh thần, thể chất nên không đặt ra yêu cầu

nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh C tự thỏa thuận phân chia và anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai tại Tòa án anh Trần Văn C trình bày: Anh thống nhất với chị T về quan hệ hôn nhân, con chung tài sản và nợ chung tuy nhiên anh cho rằng mâu thuẫn giữa anh chị chưa trầm trọng nên không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chị T và anh C chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Do vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh C. Về con chung: Do anh Trần Minh Đ, sinh năm 1995 và chị Trần Mỹ T1, sinh năm 1998, anh Đ và chị T1 đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về tâm thần, thể chất nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Đối với tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận phân chia, nợ chung anh chị xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

Về tố tụng: Chị Tăng Thị Kiều T yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn C, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Trần Văn C cư trú tại phường C, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Nguyên đơn chị Tăng Thị Kiều T, bị đơn anh Trần Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tăng Thị Kiều T và anh Trần Văn C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1994, tuy nhiên, anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị Tăng Thị Kiều T và anh Trần Văn C là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Chị T và anh C thống nhất xác định có 02 con chung là anh Trần Minh Đ, sinh năm 1995 và chị Trần Mỹ T1, sinh năm 1998, anh Đ và chị T1 đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về tâm thần, thể chất nên không đặt ra xem xét vấn đề nuôi dưỡng.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị T và anh C tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Chị Tăng Thị Kiều T yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí Hôn

nhân và gia đình sơ T theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Tăng Thị Kiều T và anh Trần Văn C là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Do con chung đã trên 18 tuổi và không bị nhược điểm về tinh thần, thể chất nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Tăng Thị Kiều T phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ T là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000769 ngày 10/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các Đ sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
-CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
-UBND nơi đăng ký kết hôn;
-Đ sự;
-Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Tuyết Anh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bạc Liêu, ngày 09 tháng 5 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 09 tháng 5 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- T phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh

- Các Hội T nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Hòa

2. Bà Nguyễn Thị Bích Tuyên

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Cẩm Vân, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 025 khóm 5, phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn*: Anh Lâm Huy Hoàng, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp Giáp Nước, xã Vĩnh Trạch, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi nghị án Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, các nội dung sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm Vân đối với anh Lâm Huy Hoàng.
2. Về nuôi con chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm Vân phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ T là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0008046 ngày 22/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí

Án xử công khai, các Đ sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ..... phút, ngày tháng năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA